

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGHỆ THUẬT.

LÊ TẠO. *Nghệ thuật chạm khắc đá truyền thống ở Thanh Hóa (thế kỷ XV-XVIII)*

Chuyên ngành: Lý luận và Lịch sử Mỹ thuật

Mã số: 62212001

Trong lịch sử văn minh nhân loại, từ rất sớm, nhiều dân tộc đã sử dụng đá để xây dựng cung điện, hay các công trình tôn giáo, chạm khắc các biểu tượng linh thiêng.

Ở Việt Nam, phải đến thế kỷ XI, thời kỳ Đại Việt độc lập, mới có công trình kiến trúc lớn, chất liệu đá được sử dụng rộng rãi. Vào cuối thế kỷ XIV, đầu thế kỷ XV, nghệ thuật điêu khắc đá của người Việt có những tinh thần mới. Những công trình mang tính qui mô bề thế, của vua chúa như: thành nhà Hồ ở huyện Vĩnh Lộc, điện Lam Kinh ở huyện Thọ Xuân; các công trình đơn lẻ của các quận công, các chúa Trịnh ở thế kỷ XVII- XVIII, với số lượng khá nhiều, hình thức đa dạng, nội dung phong phú. Đây là một loại hình nghệ thuật với chất liệu đặc biệt, một di sản văn hóa quý báu của đất nước, vì không những chúng là vật liệu gốc không thay thế được, mà còn phản ánh nhiều chiều cạnh văn hóa, tư tưởng, lịch sử của xã hội đương thời. Việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống chỉ có thể thực hiện thành công, nếu chúng ta tổ chức tốt công tác nghiên cứu, sưu

tầm, đánh giá thực trạng, giá trị văn hóa, giá trị nghệ thuật của nó.

Các công trình kiến trúc sử dụng chất liệu đá thế kỷ XV-XVIII tập trung nhiều ở Thanh Hóa với nhiều hình thức đa dạng. Việc nghiên cứu đánh giá thực trạng, giá trị của nghệ thuật chạm khắc đá là một việc làm cần thiết nhằm phục vụ kịp thời cho công tác bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc trong thời kỳ mới, theo tinh thần của *Luật di sản văn hóa* số 09/2001/L-CTN ngày 12-07-2001. Vì vậy, tác giả chọn đề tài *Nghệ thuật chạm khắc đá truyền thống ở Thanh Hóa (thế kỷ XV - XVIII)*, làm luận án tiến sĩ của mình, nhằm làm sáng rõ nhận thức về *Nghệ thuật chạm khắc đá ở Thanh Hóa (thế kỷ XV - XVIII)*, như một hiện tượng văn hóa, một loại hình nghệ thuật với những nét đặc thù tiêu biểu, mang dấu ấn của một thời kỳ lịch sử nhất định; lý giải nguyên nhân, điều kiện phát triển, những đặc điểm cơ bản của từng thể loại chạm khắc đá và mối quan hệ, vai trò của chạm khắc đá trong kiến trúc truyền thống...; phân tích, đối chiếu với nghệ thuật chạm khắc đá ở các địa phương khác, thời kỳ khác... để làm nổi bật những giá trị tiêu biểu về qui mô, hình thức nghệ thuật và giá trị văn hóa tư tưởng của nghệ thuật chạm khắc đá ở Thanh Hóa (thế kỷ XV - XVIII), góp phần vào nền mỹ thuật chung của cả nước.

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục, luận án được kết cấu 4 chương (200

trang).

Chương I *Cơ sở hình thành nghệ thuật chạm khắc đá truyền thống ở Thanh Hóa* trình bày một số nét chính về đặc điểm địa lý, lịch sử, xã hội Thanh Hóa thế kỷ XV - XVIII. Thanh Hóa có vị trí địa lý khá đặc biệt trong quá trình phát triển của lịch sử Việt Nam. Là vùng đất cư trú của người Việt cổ từ hàng ngàn năm trước Công nguyên, là vùng đất phen dậu, đồng thời là căn cứ của quá trình phát triển, mở mang bờ cõi xuống phương Nam của người Việt qua các thời kỳ như thời Lê Sơ, thời Lê-Trịnh.

Thời Lê Sơ, Thanh Hóa là trung tâm của cuộc kháng chiến chống quân Minh, từ tiền thân là nghĩa quân của tướng Nguyễn Chích, đến khởi nghĩa Lam Sơn của Bình Định Vương Lê Lợi với nhiều huyền thoại. *Nghệ thuật chạm khắc đá ở Lam Kinh (thế kỷ XV) phản ánh đậm nét tinh thần cuộc “kháng chiến thần thánh” và mang tính mẫu mực, điển hình của văn hóa thời Lê Sơ.*

Thời Lê-Trịnh (thế kỷ XV-XVIII) Thanh Hóa là vùng diễn ra nhiều sự kiện chính trị của đất nước. Từ năm 1533 với cuộc trung hưng nhà Lê, với nhiều lần giao tranh Trịnh-Mạc, đến năm 1592, vua Lê Trang Tông chiếm lại kinh thành Đông Đô, vùng đất khởi nguồn của nhiều triều đại vua Lê và hai chúa Trịnh- Nguyễn. Đây là thời kỳ để lại nhiều sự kiện và dấu ấn văn hóa nhất trong lịch sử đất nước.

Thanh Hóa là một vùng văn hóa đa dạng, với ba vùng rõ rệt (miền núi, trung du, đồng bằng ven biển), đặc biệt, với hệ thống sông Mã, và các cửa sông lớn (Lạch Bạng, cửa Ghép, Lạch Sung,

Lạch Trường...), vùng đất được xem là vùng địa linh nhân kiệt, phong phú, đa dạng về sự tích và văn hóa dân gian. *Đó là những cơ sở hình thành, phát triển nghệ thuật chạm khắc đá truyền thống.* Thanh Hóa là nơi có *nhiều vùng nguyên liệu* đá và làng chạm khắc đá truyền thống từ thời tiền sử, đồ đồng thời Đông Sơn, những dấu vết tục thờ “đá thiêng” ở mồm “Cổ Giải”, “Hòn Trống Mái”, “Hòn Vọng Phu”,... Những làng nghề chạm khắc đá có từ thời Lý ở vùng An Hoạch (Đông Sơn) còn tồn tại đến ngày nay. Ở Thanh Hóa, nhiều vùng nguyên liệu đá quý đã được ghi nhận trong sử sách..., với nhiều loại hoa văn, màu sắc khác nhau. Tất cả những cơ sở đó nói lên khả năng, thiên hướng, cảm quan thẩm mỹ tạo hình của người Cửu Chân từ rất lâu đời.

Nghệ thuật chạm khắc đá ở Thanh Hóa (thế kỷ XV - XVIII) có mạch nguồn từ nghệ thuật truyền thống dân tộc, đồng thời phản ánh sâu sắc những tác động của lịch sử, sự ảnh hưởng qua lại với các địa phương khác, thời kỳ khác, thể hiện rõ tinh thần, tính cách văn hóa của người đương thời.

Ở chương II, *Nghệ thuật chạm khắc đá truyền thống trong kiến trúc (thế kỷ XV-XVIII)*, tác giả nghiên cứu sâu một số hiện vật chạm khắc đá cụ thể tại các công trình kiến trúc như điện Lam Kinh, thành nhà Hồ, một số đình, đền, chùa... Qua đó, tác giả đưa ra nhận xét: do đặc trưng riêng về chất liệu, mà mỗi hiện vật chạm khắc đá vừa là thành phần kết cấu của kiến trúc, lại vừa là một tác phẩm độc lập, làm trang trí bề mặt cho công trình, làm điểm nhấn và định vị xác định giới hạn, quy hoạch công trình, tạo ra một tổng thể không

gian kiến trúc. Mặt khác, các hiện vật chạm khắc đá mang giá trị văn hóa đặc biệt, biểu hiện những khát vọng về tâm linh, như những “tín hiệu thiêng liêng” trong các công trình tín ngưỡng, tôn giáo, đồng thời phản ánh một nội dung nhất định của tư tưởng, văn hóa xã hội đương thời.

Chương III nghiên cứu về *nghệ thuật chạm khắc hình tượng người, linh thú* qua từng thời kỳ, ví dụ: tượng người thời Lê Sơ thế kỷ XV, tượng người thời Lê-Trịnh thế kỷ XVII - XVIII, tượng phỗng; về đề tài tượng linh thú: tượng rồng (tượng tròn) thế kỷ XV ở Lam Kinh, ở Điện Kính Thiên - Hà Nội và một số tượng linh thú khác... Tác giả rút ra một số nhận xét: nghệ thuật chạm khắc đá đề tài về người và động vật ở Thanh Hóa (thế kỷ XV - XVIII) được bắt đầu ở Lam Kinh và phát triển phong phú, đa dạng ở các lăng mộ Quận Công và đền thờ. Tượng người và động vật thời kỳ này thường gắn với các công trình tôn giáo, tín ngưỡng. Ba nhóm đặc trưng cho nghệ thuật thời kỳ này là: phong cách chạm khắc mang đậm yếu tố tâm linh, hình thức giản lược, cá tính “biểu tượng”, không miêu tả, như tượng châu ở các lăng vua Lê ở Lam Kinh (thế kỷ XV- XVI); phong cách chạm khắc đậm chất dân gian như tượng ở lăng Nguyễn Văn Nghi, Quận Châu (thế kỷ XVII); phong cách pha trộn giữa yếu tố tả thực và kết hợp trang trí cường điệu như tượng lăng Mãn Quận Công, Bái Lăng, Hoàng Giang, Phủ Voi.

Chương IV trình bày về *nghệ thuật*

chạm khắc bia ký và đồ thờ. Bia ký là loại hình nghệ thuật chạm khắc đặc biệt, bia ký có rất sớm và tập trung nhiều ở Thanh Hóa, đặc biệt vào thế kỷ XV- XVIII. Nhiều thể loại bia ký có giá trị điển hình và mang tính cách chuẩn mực trong cả nước. Từ thể loại bia trán vòng cung như biểu tượng cho bầu trời (như *bia Vĩnh Lăng*); đến loại bia có mũi lượn như mái che của vòm cửa cuốn (như *bia Lê tướng công sự nghiệp huân danh bi ký*), v.v... Ở thế kỷ XV, nghệ thuật chạm khắc tượng người và linh thú ở Lam Kinh còn sơ sài so với bia Vĩnh Lăng có kỹ thuật tinh xảo, cầu kỳ. Ở thế kỷ XVII, tượng người, linh thú và đồ thờ, bia ký ở lăng Lê Thời Hiến, lăng Nguyễn Văn Nghi đều được chạm khắc tinh tế, đồng bộ. Từ thế kỷ XVIII về sau, các tượng người và linh thú được quan tâm chạm khắc tinh xảo, nhưng bia ký và đồ thờ lại chạm khắc đơn giản hơn so với các thời kỳ trước.

Nghệ thuật chạm khắc bia ký, đồ thờ trên đá ở Thanh Hóa thế kỷ XV - XVIII có số lượng và chất lượng điển hình trong cả nước. Nhiều bia ký mang tính mẫu mực và có tính khởi đầu. Có thể xem nghệ thuật chạm khắc bia ký ở Thanh Hóa là đỉnh cao về kỹ thuật và sự tinh xảo trong việc chế ngự đá của mỹ thuật Việt Nam.

Luận án được bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước họp tại Viện Văn hóa-Thông tin năm 2007.

ĐỨC MINH
giới thiệu